| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ PHƯỚC LONG**<br>**TỈNH BÌNH PHƯỚC** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |

Bản án số: **27/**HNGĐ-ST
Ngày 31/8/2020
*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Minh Nghĩa
*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Anh Tuấn
Ông Phạm Khoa Nam

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

-*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Hồ Yến Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 117/2019/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020, quyết định hõan phiên tòa số 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị **Đặng Thị Tuyết N**, sinh năm 1993 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Khu phố B, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

*Bị đơn*: Anh **Trần Đức T**, sinh năm 1989 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố B, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Đặng Thị Tuyết N trình bày:***

Chị và anh T đã tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 74/2017 ngày 05/7/2017. Trong quá trình chung sống, hôn nhân phát sinh những mâu thuẫn không thể giải quyết được, vợ chồng thường xuyên cãi nhau khiến cuộc sống hôn nhân không

hạnh phúc. Xét thấy mục đích hôn nhân không còn, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

*Về con chung:* Trong quá trình chung sống, chị N và anh T có 01 người con chung là: Trần Anh K, sinh ngày 25/02/2019, chị N có nguyện được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu thành niên đủ 18 tuổi, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung, nợ chung*: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Đức T trình bày:***

Anh T đồng ý phần trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nhưng anh T không muốn ly hôn vì còn thương vợ, tuy nhiên nếu chị N nhất quyết yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý ly hôn với chị N.

Trong quá trình chung sống, chị N và anh T có 01 người con chung là: Trần Anh K, sinh ngày 25/02/2019, anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung, nợ chung*: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do; căn cứ vào Điều 227 và Điều 228, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

***Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát***:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử: Đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, Bị đơn có đơn yêu câu giải quyết và xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của Nguyên đơn, Bị đơn là đúng quy định.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 8, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về thủ tục tố tụng:**

[1] Đây là vụ án "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", các đương sự có địa chỉ tại thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

**Về nội dung:**

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị N và anh T kết hôn tự nguyện, có đăng kí kết hôn theo quy định pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị N và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến chị N không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T có trình bày anh không đồng ý ly hôn, nhưng nếu chị N nhất quyết ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Quan hệ hôn nhân là sự tự nguyện giữa các bên, mâu thuẫn giữa chị và anh T là trầm trọng, không thể tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh T. Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Hiện con chung của chị N, anh T là Trần Anh K, sinh ngày 25/02/2019, tính đến thời điểm xét xử dưới 36 tháng tuổi. Chị N có nguyện vọng được nuôi con, có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nên cần giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân & gia đình.

Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét .

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị N, anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí -lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

*Tuyên xử:*

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đặng Thị Tuyết N được ly hôn với anh Trần Đức T.

[2] *Về con chung*: Giao 01 con chung tên Trần Anh K, sinh ngày 25/02/2019 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi.

Anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

[3] *Về án phí*: Chị N phải chịu 300.000 (*Ba trăm*) nghìn đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo Biên lai thu số 0006810 ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

*"Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

***Nơi nhận:***
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- THA DS TX P.Long
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**NGUYỄN THỊ MINH NGHĨA**